Biểu 02-DSX

Đơn vị báo cáo: Trạm y tế Thị Trấn Sịa

Nơi nhận: Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Quảng Điền

# BÁO CÁO DÂN SỐ- KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

## Qúy I Năm 2022

| TT | Tên CTV | Tổng số hộ (hộ gia đình + hộ tập thể) | Tr. đó: hộ gia đình | N. khẩu thực tế thường trú | Tr. đó: Nữ | Số PN 15 - 49t | Số PN 15 -49t có chồng | Số người chết | Số người kết hôn |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thị Quyên | 103 | 103 | 402 | 188 | 87 | 51 | 2 | 1 |
| 2 | Phan Thị Thường | 120 | 120 | 485 | 241 | 94 | 61 | 1 | 0 |
| 3 | Hoàng Thị Liễu | 122 | 122 | 478 | 233 | 109 | 59 | 1 | 0 |
| 4 | Phạm Thị Hằng | 192 | 192 | 816 | 392 | 205 | 126 | 3 | 1 |
| 5 | Nguyễn Thị Hường | 163 | 163 | 646 | 324 | 158 | 87 | 3 | 0 |
| 6 | Hồ Thị Ngọc Oanh | 87 | 87 | 310 | 150 | 60 | 41 | 1 | 1 |
| 7 | Phan Thị Mười | 97 | 97 | 378 | 192 | 98 | 50 | 0 | 0 |
| 8 | Hoàng Thị Xuân Dung | 151 | 151 | 627 | 328 | 150 | 79 | 0 | 0 |
| 9 | Nguyễn Thị Nhạn | 185 | 185 | 746 | 382 | 210 | 127 | 3 | 1 |
| 10 | Trương Thị Thanh | 100 | 100 | 392 | 197 | 93 | 47 | 1 | 0 |
| 11 | Hoàng Thị Ngọc Tin | 129 | 129 | 501 | 262 | 117 | 65 | 2 | 1 |
| 12 | Hồ Thị Xuân | 124 | 124 | 444 | 243 | 113 | 65 | 1 | 0 |
| 13 | Ngô Thị Thanh Hương | 108 | 108 | 427 | 213 | 94 | 59 | 3 | 0 |
| 14 | Nguyễn Thị Hương | 174 | 174 | 609 | 303 | 131 | 65 | 1 | 0 |
| 15 | Hoàng Thị Nguyên | 206 | 206 | 826 | 425 | 218 | 122 | 4 | 0 |
| 16 | Nguyễn Thị Em | 202 | 202 | 701 | 363 | 161 | 102 | 1 | 0 |
| 17 | Lê Văn Kéo | 111 | 111 | 517 | 274 | 139 | 71 | 0 | 1 |
| 8 | Hoàng Thị Huệ | 176 | 176 | 664 | 355 | 172 | 90 | 1 | 0 |
| 9 | Nguyễn Thị Kim Ánh | 184 | 184 | 719 | 357 | 172 | 103 | 1 | 0 |
| | **Toàn T.Trấn** | **2,734** | **2,734** | **10,688** | **5,422** | **2,581** | **1,470** | **29** | **6** |

Được quét bằng CamScanner